

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2026/DS- ST**

Ngày: 03/3/2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành
2. bà Trần Vĩnh Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đặng Thị Giang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST- DSST ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025 QĐST-DS 28/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026 ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T1

Địa chỉ: I P, phường S, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Hải N (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (CCCD số: 092183003187).

Địa chỉ: 4 khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ

(bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết –đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/10/2024, Công ty T1 (Việt nam) có ký hợp đồng tín dụng số 5964730, theo đó đã cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 57.081.000 đồng, trong đó 53.000.000 đồng tiền vay và 4.081.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay 45%/năm, thời hạn vay 36 tháng, tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15/10/2027. Hình thức cho vay thông qua ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng được giao kết thông qua việc bà Nguyễn Thị T đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua

SMS hoặc email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, công ty TNHH H (là đơn vị đã đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật Việt nam) sẽ khởi tạo chữ ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty T1.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 23/10/2024 phía nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ số tiền vay như đã nêu cho bà Nguyễn Thị T qua số tài khoản 1047448659 mang tên Nguyễn Thị T, tại Ngân hàng N1 (V). Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T chỉ thực hiện thanh toán cho nguyên đơn được 04 kỳ với tổng số tiền 11.708.408 đồng, gồm 3.810.758 đồng tiền gốc, 7.849.650 đồng tiền lãi, 48.000 đồng tiền phí thu hộ. Từ ngày 18/02/2025, bà Nguyễn Thị T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ trong hợp đồng. Phía nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với bà T qua điện thoại để yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà T vẫn không thực hiện. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng trước hạn và yêu cầu bà T thanh toán số tiền gốc lãi còn nợ tạm tính đến ngày 05/8/2025 là 63.722.187 đồng.

Phía bị đơn – bà Nguyễn Thị T:

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa theo triệu tập, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà T theo quy định.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ theo hợp đồng tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày 22/01/2026 là: 77.354.173 đồng (nợ gốc: 53.270.242 đồng, nợ lãi 19.751.089 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 3.436.283 đồng, lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán: 896.559 đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Phía nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đây là sự tự định đoạt của đương sự, không trái với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, do vậy để đảm bảo việc cấp tổng đạt cho đương sự, Tòa án đã niêm yết các thông báo triệu tập bị đơn theo quy định tại Điều 179 và tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng”, do Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng điều chỉnh. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ, nên Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tài liệu và các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, bà Nguyễn Thị T có ký vay thông qua hợp đồng tín dụng điện tử như nguyên đơn đã trình bày tại đơn khởi kiện. Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện do vậy các thỏa thuận trong hợp đồng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng, phía nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ tiền vay cho bị đơn thông qua tài khoản cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn đã không thực hiện được việc trả gốc, lãi cho nguyên đơn như đã cam kết, do vậy nguyên đơn chuyển khoản nợ bị đơn đã vay sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án để chấm dứt hợp đồng trước hạn, buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi còn thiếu là có căn cứ để xem xét chấp nhận. Tính đến ngày 22/01/2026, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 77.354.173 đồng (nợ gốc: 53.270.242 đồng, nợ lãi 19.751.089 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 3.436.283 đồng, lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán: 896.559 đồng). Ngoài số tiền phải trả nêu trên, phía bị đơn vẫn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả dứt nợ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179, 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 466 Bộ luật dân sự.

Các Điều Từ 90 đến 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 (Việt Nam) nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký tổng cộng là: 77.354.173 đồng (nợ gốc: 53.270.242 đồng, nợ lãi 19.751.089 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 3.436.283 đồng, lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán: 896.559 đồng)

- Kể từ sau ngày 22/01/2026, phía bị đơn vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký với nguyên đơn cho đến khi trả dứt nợ.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu: 3.868.000 đồng.

- Nguyên đơn được nhận lại 1.593.055 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu số 0003680 ngày 26/9/2025 tại Phòng Thi hành án Khu vực 2 – Cần Thơ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV2-CT;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- Phòng THA Khu vực 2-CT
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Huệ